ENGLISH 8_ EXERCISE FOR UNIT 6

B. Grammar points:

- **Present tense with future meaning (Thì hiện tại đơn với nghĩa tương lai)**
- **Gerunds (Danh động từ) "V-ing"**
- **Modal verbs (Động từ khiếm khuyết): may, can, could**

I. Present tense with future meaning (Thì hiện tại đơn với nghĩa tương lai)

Thì hiện tại đơn *mang ý nghĩa tương lai khi nói về thời gian biểu, chương trình TV, lịch trình... (đối với các phương tiện vận chuyển công cộng, lịch chiếu phim.)*

Practice:

1. According to the schedule, the train _____ at 6 a.m.

a. leave b. leaving c. will leave d. leaves

2. The next meeting of the committee _____ on November 5th.

a. is b. are c. was d. were

3.The sun_____ at 5.16 tomorrow.

a. rise b. rises c. is rising d. is going to rise

4. Ann's new play_____ at the Grand Theatre next week.

a. open b. opens c. opened d. will be open

5. National No-Smoking week _____ on October 24th.

a. start b. starts c. will starts d. will be starting

II. Gerunds (Danh động từ): V-ing

1. *Verb + V-ing: like, hate, dislike, love, enjoy, practice, prefer.....*
2. *V-ing làm chủ từ (Learning English is useful.)*
3. *Sau giới từ + V-ing*

Practice:

1. I actually enjoy _____ shoes. It's relaxing!

a. clean b. cleans c. to clean d. cleaning

2. I like _____ to music.

a. listen b. to listen c. listening d. for listening

3. She helped me ____ the box.

a. to carry b. carried c. carrying d. for carrying

4. _____too much fat can lead to heart disease.

a. Eating b. Eat c. Eats d. Ate

5. Some parents are thinking of banning children from _____ the computer.

a. to using b. to use c. use d. using

6. How much time do you spend _____ TV every day?

a. watch b. to watch c. watching d. in watching

7. I would like _____ to your party! Thank you for inviting me.

a. come b. coming c. to come d. came

8.Could you help me _____ the kitchen? It's a real mess!

a.tidy b. tidied c. tidying d.with tidy

9. My father usually helps me _____ English.

a. to learn b. learn c. learning d. a and b

10.She told Mary _____ up hope.

a. not give b. do not give c. not to give d. to give not

11. John wanted me _____ him.

a. to be helping b. help c. to help d. I help

12. My father used _____a packet of cigarettes a day.

a. to smoke b. smoking c. smoke d. smoked

13. He enjoys_____ up late on Sunday mornings.

a. to get b. getting c. geting d. to getting

LIVEWORKSHEETS

14. They are thinking of_____to America.
a. to move b. moving c. to moving d. moved
15. Does she want _____a singer?
a. to become b. became c. becoming d. to became
16. My sister hates_____ the ironing.
a. to do b. done c. doing d. to doing
17. I don't enjoy to go on vacation as much as I used to. **(Choose the words or phrases that are not correct)**
a. don't b. to go c. on d. to
18. It's boring and tiring to do housework. **(Rewrite sentences without changing the meaning)**
a. Doing housework is boring and tiring. b. It's interesting doing housework.
c. Don't do housework. d. Boring and tiring is housework.

III. Modal: may(có thể), can (có thể), could (có thể)

1. Possibility - khả năng xảy ra của sự việc

	Meaning	Example
Can	**sự thật hiển nhiên**, phổ thông	Smoking **can** cause cancer.(Hút thuốc có thể gây ra ung thư)
	người nói tin tưởng, **chắc chắn**	It **can** be dangerous to ride a bike in the city.
Could/ May	người nói không tin tưởng, **không chắc chắn**	It **could/may** be dangerous to ride a bike in the city. (Biết đâu đi xe đạp trong thành phố lại nguy hiểm)

2. Permission - hỏi xin sự cho phép

Mức độ **trang trọng/lịch sự** tăng dần theo thứ tự "can - could - may"
Ex: Can I go out ?(Bạn bè)
Could I go out? (Giáo viên)
May I go out ? (Giáo viên)

3. Request - yêu cầu ai làm gì

Dùng "can" hoặc "could" **(không dùng "may")**.
"Could" có thể hiện sắc thái trang trọng hơn so với "Can"
Ex: Can you help me? (thân mật, ít trang trọng) / Could you help me?(trang trọng)

Practice:

1. You _____right.
a. may be b. will be c. was d. are being
2. The temperature_____ sometimes reach 35°C in July.
a. can b. ought c. need d. must
3. Mountain daisies_____ be yellow or red.
a.can b. ought c. need d. have to
4. 'Where's Sue?'-'She _____ be in the garden.'
a. may b. has to c. need to d.can
5. Eating too much fat _____lead to heart disease.
a.can b. ought c. need d. have to
6. Mister Turner, _____ I ask a question?
a. may b. can c. must d. should
7.I'm sure you _____ speak Spanish seeing that you're from Colombia.
a. can b.could c. may d. should
8._____you show me your passport please?
a. May b. Could c.Can d. Couldn't
9. I'm too old now but when I was younger I _____ surf and water ski.
a. might b.can c. could d. may
10. It _____ rain tomorrow so we'd better plan an indoor dinner.
a. must b.can c. could d. may

LIVEWORKSHEETS